

## NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

### ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

#### Ghi chú:

- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng **bôi đậm, gạch chân**.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Nội dung sau sửa đổi” là **phần màu đỏ**.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.
- Luật Chứng khoán Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa IX thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP là Nghị định ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa
PHẦN MỞ ĐẦU	PHẦN MỞ ĐẦU	
Các quy định của Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải - dưới đây là “Công ty”, được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Điều lệ, các quy định của Công ty, các quyết định	Các quy định của Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải - dưới đây là “Công ty”, được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Điều lệ, các quy định của Công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã	Cập nhật dẫn chiếu Luật và thông tin phù hợp với thời gian sửa đổi Điều lệ

<p>của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>Điều lệ này được Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức chính thức vào ngày <b><u>24 tháng 03 năm 2018.</u></b></p> <p><b><u>Sửa đổi, bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức chính thức vào ngày 06 tháng 06 năm 2020.</u></b></p>	<p>được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>Điều lệ này được Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức chính thức vào ngày ... tháng ... năm ....</p> <p>Điều lệ này thay thế cho Điều lệ sửa đổi, bổ sung được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải thông qua vào ngày 06 tháng 06 năm 2020.</p>	
<b>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b>	<b>CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b>	
<b>Điều 1: Định nghĩa</b>	<b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</b>	
1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:	
a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã <b><u>bán các loại hoặc đã được đăng ký mua tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp và quy</u></b>	a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã <b>phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi vào Điều lệ công ty;</b>	- Các thuật ngữ được điều chỉnh và bổ sung theo quy định

<p><b><u>định tại Điều 5 của Điều lệ này;</u></b></p> <p>b."Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số <b><u>68/2014/QH13</u></b> được Quốc hội thông qua ngày <b><u>26 tháng 11 năm 2014;</u></b></p> <p>c.“Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán ngày <b><u>29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010.</u></b></p> <p>d."Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;</p> <p>e."Người điều hành" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và Giám đốc tài chính.</p> <p>f."Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 4 Điều 17 <b><u>của Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6</u></b> Luật chứng khoán;</p> <p>g."Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;</p>	<p>b.“Công ty” có nghĩa là Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải;</p> <p>c. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số <b>59/2020/QH14</b> được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;</p> <p>d.“Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán số <b>54/2019/QH14</b> được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>e. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;</p> <p>f.“Người quản lý công ty” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng.</p> <p>g."Người điều hành" có nghĩa là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và Giám đốc tài chính.</p> <p>h."Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại <b>Khoản 46 Điều 4</b> Luật chứng khoán;</p> <p>i.“Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ</p>	<p>của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Nghị định số 155/2020/NĐ – CP.</p>
--	---	--

h."Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.	<p>phần đã phát hành của Công ty.</p> <p>j.“Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;</p> <p>k."Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;</p> <p>l."Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>m.“Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.</p>	
<b>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>	<b>CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</b>	Sửa cách ghi tiêu đề chương
<b>Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</b>	<b>Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</b>	
<b><u>4.Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật.</u></b>		- Cập nhật dẫn chiếu

<p><b><u>Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của những người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều lệ này và trong Quy chế Quản trị của Công ty.</u></b></p> <p>5.Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 55 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và kéo dài vô thời hạn.</p>	<p>4.Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 1 <b>Điều 61 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 62</b>của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và kéo dài vô thời hạn.</p>	<p>điều lệ.</p> <p>- Bỏ khoản 4 vì trùng với Điều 3 Điều lệ sửa đổi</p>
<p><b>Không có</b></p>	<p><b>Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của Công ty</b></p> <p>- Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>- Người đại diện pháp luật của Công ty đại diện cho</p>	<p>Sửa theo Điều 3 Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>- Gạch đầu dòng thứ</p>

	doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách là người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.	2 sửa theo khoản 1 Điều 12 Luật Doanh nghiệp 2020
<b>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>	<b>CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>	
<b>Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Công ty</b>	<b>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</b>	
Khoản 1. Ý 2 Ngoài các ngành nghề kinh doanh chính trên, <u>trong quá trình hoạt động Công ty được quyền bổ sung thêm các ngành nghề kinh doanh khác không thuộc các ngành nghề bị pháp luật cấm mà Công ty thấy có lợi cho Công ty và các cổ đông.</u>	Khoản 1. Ý 2 Ngoài ra, <b>khí cần thiết Đại hội đồng cổ đông quyết định việc thay đổi, mở rộng các ngành nghề sản xuất kinh doanh phù hợp với qui định của pháp luật.</b>	Chỉnh sửa lại từ ngữ
<b>Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động</b>	<b>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</b>	

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề <b><u>của Công ty đã được</u></b> công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo <b>các</b> ngành nghề <b>quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã</b> công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	Sửa theo Điều 5 Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
2. Công ty có thể tiến hành <b><u>hoạt động</u></b> kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	2. Công ty có thể tiến hành những <b>hình thức</b> kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	Thay “hoạt động” bằng “hình thức”
<b>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</b>	<b>CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</b>	
<b>Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b>	<b>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b>	
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ <b><u>kèm theo</u></b> được quy định <b><u>tại Điều 15, Điều 16</u></b> của Điều lệ này.	3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ <b>của cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông</b> được quy định tại <b>Điều 16 và Điều 17</b> của Điều lệ này.	Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ

<b>Điều 6: <u>Cổ phiếu</u></b>	<b>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</b>	
1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó.	<b>Chuyển nội dung này xuống khoản 3 Điều này tại điều lệ sửa đổi</b>	
	<b>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</b>	Bổ sung theo khoản 1 Điều 7 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC
2. Trường hợp cổ phiếu được cấp dưới dạng chứng chỉ phải có dấu của công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được ủy quyền. Cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại <b>khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.</b>	2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại <b>khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</b>	
	3. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty	



	đó.	
<b><u>3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.</u></b>	4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.	Chuyển thành nội dung khoản 4 Điều lệ sửa đổi
4. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp <b>chứng chỉ</b> cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in <b>chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.</b>	5. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định, kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp giấy <b>chứng nhận</b> cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in <b>chứng nhận cổ phiếu.</b>	Sửa theo khoản 3 Điều 7 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC
5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau	6. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó <b>và phải trả phí theo quy định của Công ty.</b> Đề	Sửa theo khoản 4 Điều 7 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-

<p>đây:</p> <p>a. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;</p> <p>b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, <b><u>Tổng giám đốc - Người đại diện theo pháp luật</u></b> có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.</p>	<p>nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:</p> <p>a. <b>Thông tin về</b> cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;</p> <p>b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p> <p>Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu (10.000.000) Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, Người đại diện theo pháp luật có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.</p>	BTC
<b>Điều 7: Sổ đăng ký cổ đông</b>	<b>Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông</b>	Cập nhật lại thứ tự Điều, nội dung không thay đổi
<b>Điều 8: Chứng chỉ chứng khoán khác</b>	<b>Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác</b>	
Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng	Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán	

khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.	khác như: <b>trái phiếu, cổ phần ưu đãi</b> của Công ty sẽ được phát hành khi có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty và dấu của Công ty..	
<b>Điều 9: Chào bán cổ phần</b>	<b>Điều 10: Chào bán cổ phần</b>	Cập nhật lại thứ tự điều, nội dung không đổi
<b>Điều 10: Chuyển nhượng cổ phần</b>	<b>Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần</b>	
1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu đăng ký giao dịch/niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán <b><u>của Sở Giao dịch Chứng khoán.</u></b>	1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết , đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán đư ợc chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật <b>về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</b>	Sửa theo khoản 1 Điều 9 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC
<b>Điều 11: Thu hồi cổ phần</b>	<b>Điều 12. Thu hồi cổ phần</b>	Cập nhật lại thứ tự điều
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần <b><u>được quyền chào bán.</u></b> Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần <b>chưa bán theo quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp.</b> Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác	Cập nhật dẫn chiếu quy định liên quan đến cổ phần bị thu hồi

đổi tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại <b>Điều 112</b> Luật Doanh nghiệp.	theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định tại <b>Điều 113</b> Luật Doanh nghiệp.	
6. Thông báo thu hồi <b>sẽ</b> được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.	6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.	
<b>Điều 12: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông</b>	<b>Điều 13: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông</b>	Cập nhật lại thứ tự điều
<b>Điều 13: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty</b>	<b>Điều 14: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty</b>	Cập nhật lại thứ tự điều
Khoản 3 ý 3. Việc mua lại cổ phần của Công ty quy định tại <b>Điều 12</b> và <b>Điều 13</b> điều lệ này chỉ được phép thực hiện nếu không ảnh hưởng đến việc thanh toán các công nợ của Công ty. Sau khi thanh toán hết số cổ	Khoản 3 ý 3. Việc mua lại cổ phần của Công ty quy định tại <b>Điều 13</b> và <b>Điều 14</b> điều lệ này chỉ được phép thực hiện nếu không ảnh hưởng đến việc thanh toán các công nợ của Công ty. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại,	Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ

phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.	nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.	
<b>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ</b>	<b>CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ</b>	
<b>Điều 14: Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty</b>	<b>Điều 15. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</b>	
<p>Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>2. Hội đồng quản trị;</li> <li>3. Tổng giám đốc điều hành.</li> </ol>	<p>Cơ cấu tổ chức quản lý; quản trị; kiểm soát và Người đại diện theo pháp luật của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>2. Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;</li> <li>3. Tổng giám đốc điều hành.</li> </ol>	Cập nhật lại mô hình hoạt động của Công ty.
<b>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	<b>CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	Sửa cách ghi tiêu đề chương
<b>Điều 15: Quyền của cổ đông</b>	<b>Điều 16. Quyền của cổ đông</b>	
<p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết</p>	<p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại <b>cuộc họp</b> Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại</p>	<p>- cập nhật dân chiếu Luật và sắp xếp lại từ ngữ</p>

trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền <b>hoặc</b> hoặc các hình thức khác do pháp luật quy định, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một quyền biểu quyết;	diện được uỷ quyền hoặc các hình thức khác do pháp luật quy định, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một quyền biểu quyết;	
b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	Cập nhật dẫn chiếu luật
c. Tự do chuyển nhượng cổ phần cho người khác, trừ trường hợp quy định tại <b><u>khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật doanh nghiệp</u></b> ;	c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại <b>khoản 3 Điều 120 và khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan</b> ;	Cập nhật dẫn chiếu luật
d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;	d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;	Không đổi
e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin <b>về tên và địa chỉ liên lạc</b> trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác <b>của mình</b> ;	Chỉnh sửa lại từ ngữ
f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;	f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;	Không đổi

g. <b><u>Trường hợp</u></b> Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với <b><u>số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ đối với Nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác theo quy định của pháp luật;</u></b>	g. <b>Khi</b> Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng <b>với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;</b>	Sửa theo điểm g khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020
h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <b><u>Điều 129</u></b> của Luật Doanh nghiệp;	h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <b>Điều 132</b> của Luật Doanh nghiệp;	Cập nhật dẫn chiếu luật
	i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;	Bổ sung theo điểm i khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu
	j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;	Bổ sung theo điểm j khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu
	k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình;	Bổ sung theo điểm k

	đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu
i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.	1. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.	Không đổi
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở <b><u>lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u></b> có các quyền sau:	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <b>sở hữu từ năm phần trăm (05%)</b> tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:	Bỏ quy định về thời gian sở hữu cổ phần trong 6 tháng theo khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp
<b><u>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 30 của Điều lệ này;</u></b>	<b>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị;</b>	- Bổ sung khoản d Điều lệ sửa đổi theo khoản 2 Điều 142 LDN
b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <b><u>Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</u></b>	b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <b>Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</b>	Cập nhật dẫn chiếu luật
c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ	c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại	Không đổi



phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.	Đại hội đồng cổ đông.	
d. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam;	d. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam, <b>hợp đồng giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</b>	Sửa theo điểm a khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020
e. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.	e. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;	Chỉnh sửa lại từ ngữ Ủy ban kiểm toán

Trong trường hợp này, việc kiểm tra do <b><u>Ban Kiểm Toán nội bộ</u></b> trực thuộc Hội đồng quản trị trực tiếp thực hiện và báo cáo;	Trong trường hợp này, việc kiểm tra do <b><u>Ủy ban kiểm toán</u></b> trực thuộc Hội đồng quản trị trực tiếp thực hiện và báo cáo;	
	f. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;	Bổ sung theo khoản 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020
g. Các quyền khác được quy định <b><u>tại Điều lệ này.</u></b>	g. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
	4. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:  a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;  b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị cổ	Bổ sung theo khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp

	<p>đồng hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.</p>	
<b>Điều 16: Nghĩa vụ của cổ đông</b>	<b>Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông</b>	
<p>Cổ đông có nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và <b><u>các</u></b> quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p>	<p>Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế <b>quản lý nội bộ</b> của Công ty.</p>	Sắp xếp lại từ ngữ
	<p>2. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p>	Tách nội dung khoản 1 cũ thành 2 khoản tại điều lệ sửa đổi
	<p>3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.</p>	Theo khoản 1 Điều 119 Luật Doanh

		ngiệp 2020
	<p>4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p>	Bổ sung theo khoản 2 Điều 119 Luật Doanh nghiệp 200
<p>2. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút</p>	<p>Nội dung này được quy định tại khoản 3, 4 Điều này tại Điều lệ sửa đổi</p>	

và các thiệt hại xảy ra.		
<b><u>3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;</u></b>	5. Cung cấp thông tin liên lạc chính xác khi đăng ký mua cổ phần;	Chỉnh sửa lại từ ngữ
Không có	6. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác	Bổ sung khoản 6 Điều lệ sửa đổi theo Khoản 5 Điều 119 Luật DN và khoản 5 Điều 13 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	7. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;	- Bổ sung khoản 7 Điều lệ sửa đổi theo Khoản 3 Điều 144 Luật DN và khoản 6 Điều 13 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;	8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;	Cập nhật lại thứ tự các khoản mục, nội dung không thay đổi
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.	9. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.	Không đổi
<b>Điều 17: Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 18: Đại hội đồng cổ đông</b>	
1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan <b><u>có thẩm quyền</u></b> cao nhất của Công ty. <b><u>Đại hội cổ đông thường niên</u></b> được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <b><u>Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn trên,</u></b> Hội đồng quản trị <b><u>có trách nhiệm xin Cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn,</u></b>	1. Đại hội đồng cổ đông <b>gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định</b> cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <b>Trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác,</b> Hội đồng quản trị <b>quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết,</b> nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày	Sửa theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Luật Doanh nghiệp

<p><b><u>nhưng</u></b> không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>kết thúc năm tài chính. <b>Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</b></p>	
<p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và dự toán <b><u>ngân sách tài chính</u></b> cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị tổ chức, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. <b>Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, từ chối, trái ngược, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông của công ty.</b></p> <p><b>Ngoài ra, các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua báo cáo</b></p>	<p>- Bổ sung theo Khoản 4 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 14 Điều lệ mẫu - Phụ lục 01 ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	<b>tài chính hàng năm.</b>	
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a.Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;	
b. Các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;	b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;	- Sử dụng thống nhất thuật ngữ “báo cáo tài chính, báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán” với Luật chứng khoán.
c.Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này.	c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này.	Không thay đổi
d.Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông	d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy	- Cập nhật dẫn



<p>quy định tại <b>Khoản 3 Điều 15 của Điều lệ</b> này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);</p>	<p>định tại <b>Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp</b>; yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản yêu cầu có thể lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);</p>	<p>chiếu Luật</p>
<p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>- Không thay đổi</p>
<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập còn <b><u>lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại 3d Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy</u></b></p>	<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập còn lại <b><u>nghư quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này;</u></b></p>	<p>- Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ và dẫn chiếu Luật</p>

<p><b><u>định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</u></b></p>		
<p>b.Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại <b><u>Khoản 3 Điều 15 của Điều lệ này</u></b> có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.</p>	<p>b.Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <b>Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</b>. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội</p>	<p>- Cập nhật dẫn chiếu luật</p>

	đồng cổ đông.	
c. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	c.Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	Không thay đổi
	d.Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.	- bổ sung Điểm d Điều lệ sửa đổi theo Điểm d khoản 4 Điều 14 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
<b>Điều 18: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b>	
	1. Đại hội đồng cổ đông có <b>quyền và nghĩa vụ sau:</b> <b>a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</b> <b>b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của</b>	Bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp

	<p>từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng</p>	
--	--	--

	<p>và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;</p> <p>k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;</p> <p>l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p>	
<p>1.Đại hội đồng cổ đông <b><u>thường niên có quyền</u></b> thảo luận và thông qua:</p> <p>a.Báo cáo tài chính kiểm toán <b><u>hàng năm</u></b>;</p> <p>b.Kế hoạch kinh doanh hằng của công ty;</p> <p>c.Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>d.Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần từng loại;</p> <p>e. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông <b>thảo luận và thông qua</b> các vấn đề sau:</p> <p>a. Báo cáo tài chính <b>hàng năm đã được</b> kiểm toán;</p> <p>b. Kế hoạch kinh doanh <b>hàng năm</b> của công ty;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị <b>về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị</b>;</p> <p>d. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần từng loại;</p> <p>e. <b>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị</b>;</p> <p>f. <b>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</b>;</p>	<p>Sửa và bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 139 LDN<b>và khoản 2 Điều 15 Điều lệ mẫu</b></p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>g. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;</li> <li>h. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</li> <li>i. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</li> <li>j. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</li> <li>k. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</li> <li>l. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý.</li> <li>m. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</li> <li>n. Công ty mua lại hơn mười phần trăm (10%) một</li> </ul>	
--	--	--

	<p>loại cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>o. Công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>p. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;</p> <p>q. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này</p>	
<p><b><u>2.Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</u></b></p> <p><b><u>a.Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;</u></b></p> <p><b><u>b.Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại</u></b></p>	<p>Nội dung này nằm ở khoản 2 Điều này tại điều lệ sửa đổi</p>	

<p><u>cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>c.Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>d.Lựa chọn công ty kiểm toán;</u></p> <p><u>e.Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>f.Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>g.Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</u></p> <p><u>h.Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại được quyền chào bán và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;</u></p> <p><u>i.Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển</u></p>		
---	--	--



<p><b><u>đổi Công ty;</u></b></p> <p><b><u>j.Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</u></b></p> <p><b><u>k.Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</u></b></p> <p><b><u>l.Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</u></b></p> <p><b><u>m.Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</u></b></p> <p><b><u>n.Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</u></b></p> <p><b><u>o.Thông qua định hướng phát triển của công ty;</u></b></p> <p><b><u>Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;</u></b></p>		
--	--	--

<p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</p>	<p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp <b>thông qua quyết định về các vấn đề</b> sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Sắp xếp lại từ ngữ</p>
<p><b>Điều 19: Các đại diện được ủy quyền</b></p>	<p><b>Điều 20. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	
<p>1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp <b><u>có thể trực tiếp tham dự</u></b> hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ</p>	<p>1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo <b>quy định</b> của pháp luật hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự.<b>Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền tối đa cho ba (03) người đại diện theo</b></p>	<p>Sửa theo quy định tại khoản 2 Điều 14 và khoản 1 Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 1 Điều 16</p>

<p>phần của mỗi người đại diện.</p>	<p>ủy quyền, cổ đông là cá nhân ủy quyền cho một (01) người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông công ty không xác định số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần và số phiếu bầu sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.</p>	<p>PL I –Thông tư 116/2020</p>
<p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a.Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>b.Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy</p>	<p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a.Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì <b>giấy ủy quyền</b> phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>b.Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì <b>giấy ủy quyền</b> phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p>	<p>Sắp xếp lại từ ngữ</p>

<p>quyền dự họp;</p> <p>c.Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.</p> <p>Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p>	<p>c.Trong trường hợp khác thì <b>giấy uỷ quyền</b> phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.</p> <p>Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p>	
<p><b>Điều 20: Thay đổi các quyền</b></p>	<p><b>Điều 21. Thay đổi các quyền</b></p>	
<p>1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông <b><u>nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết</u></b> thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba</p>	<p>1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông <b>đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông họp</b> thông qua. <b>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị</b></p>	<p>- Sửa theo Khoản 6 điều 148 luật DN</p> <p>- Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ</p>

<p>(1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>	<p><b>quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</b></p> <p>2.Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>	
<p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như</p>	<p>3.Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy</p>	

vậy được thực hiện tương tự với các quy định <b><u>tại Điều 22 và Điều 24 của Điều lệ này.</u></b>	được thực hiện tương tự với các quy định <b>tại Điều lệ Công ty.</b>	
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.	4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.	
<b>Điều 21: Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 22. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo <b>mời</b> họp Đại hội đồng cổ đông</b>	
1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại <b><u>Điểm a hoặc Điểm b Khoản 4 Điều 17</u></b> Điều lệ này.	1.Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại <b>khoản 4 Điều 18</b> Điều lệ này.	Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a.Lập danh sách các cổ đông <b><u>có quyền dự họp</u></b> Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự	2.Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a.Lập danh sách cổ đông <b>đủ điều kiện tham gia và biểu</b>	

<p>họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>b.Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p> <p>c.Lập chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d.Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;</p> <p>e.Dự thảo nghị quyết của Đại hội cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>f.Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>g. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp</p>	<p><b>quyết tại</b> Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng ; Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10 ngày) trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p> <p>b.Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p> <p>c.Lập chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d.Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;</p> <p>e.Dự thảo nghị quyết của Đại hội cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>f.Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội <b>đồng cổ đông;</b></p>	
--	---	--

<p>h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp;</p>	<p>g. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp;</p> <p><b>h. Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử;</b></p> <p>i. Các công việc khác phục vụ cuộc họp;</p>	
<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp công ty niêm yết, đăng ký giao dịch niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất là <b><u>mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u></b> (tính từ ngày mà thông báo được</p>	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông <b>bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc mà cổ đông đã đăng ký</b> đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán <b>nhà nước</b> (trong trường hợp công ty niêm yết, đăng ký giao dịch niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất là <b>hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội</b></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 143 Luật Doanh nghiệp</p>



<p>gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các <b><u>thông tin</u></b> liên quan về các vấn đề sẽ được <b><u>thảo luận và biểu quyết</u></b> tại đại hội. <b><u>Trường hợp Công ty có website</u></b>, thông báo họp <b><u>Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời</u></b> phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử trong thông báo mời họp để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	<p><b>đồng cổ đông</b> (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). <b>Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</b> Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các <b>tài liệu</b> liên quan về các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội. <b>Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b>, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử trong thông báo mời họp để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	
<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại <b><u>Khoản 3 Điều 15</u></b> của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông <b><u>hoặc được thống nhất bổ sung tại Đại</u></b></p>	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại <b>khoản 3 Điều 16</b> Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp<b>hoặc được thống nhất bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông nếu đạt tỷ lệ tán thành tối thiểu</b></p>	<p>- Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ - Sắp xếp lại từ ngữ</p>

<p><b><u>hội đồng cổ đông nếu đạt tỷ lệ tán thành tối thiểu là 65% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp. Đề xuất</u></b> phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p><b>là 65% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp. Kiến nghị</b> của cổ đông bao phải gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	
<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <b><u>có quyền</u></b> từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều này trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông <b><u>trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06)</u></b></p>	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <b>chỉ được</b> từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung <b>theo quy định tại Khoản 4 Điều này;</b></p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ ít nhất <b>năm phần trăm (5%)</b> cổ phần</p>	<p>Sửa theo quy định tại Khoản 3 Điều 142 Luật Doanh nghiệp và khoản 5b Điều 18 PL I – TT116/2020 (bổ sung so với Khoản 3 điều 142 Luật DN)</p>

<p><b><u>tháng;</u></b></p> <p>c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.</p>	<p>phổ thông;</p> <p>c.Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;</p> <p>Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>d.Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
<p><b>Không có</b></p>	<p>6.Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 142 Luật Doanh nghiệp</p>
<p><b>Điều 22: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 23. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	

<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <b><u>ít nhất 51% tổng số phiếu</u></b> biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, <b><u>đại hội</u></b> phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, <b><u>Cuộc họp đại hội đồng</u></b> cổ đông lần thứ ba <b><u>có thể được triệu tập</u></b> trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào <b><u>tổng số phiếu biểu</u></b></p>	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <b>trên năm mươi phần trăm (50%)</b> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, <b>người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai</b> phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có <b>thành viên tham dự là cổ đông và những người đại diện được ủy quyền</b> dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, <b>người triệu tập cuộc họp có quyền huỷ cuộc họp, thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn</b> hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này <b>cuộc họp</b></p>	<p>- sắp xếp lại từ ngữ, cập nhật dẫn chiếu Luật</p>
---	--	--

<p>quyết của các cổ đông dự họp và <b><u>có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Cuộc họp đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất dự kiến phê chuẩn.</u></b></p> <p>4. <b><u>Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông</u></b> có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại <b><u>Khoản 4 Điều 21</u></b> của Điều lệ này.</p>	<p><b>Đại hội đồng cổ đông</b> được tiến hành không phụ thuộc vào <b>số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết</b> của các cổ đông dự họp.</p> <p>4. <b>Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới</b> có quyền <b>quyết định</b> thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định <b>tại Điều 142 của Luật doanh nghiệp.</b></p>	
<p><b><u>5. Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:</u></b></p> <p><b><u>a. Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;</u></b></p> <p><b><u>b. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</u></b></p> <p><b><u>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u></b></p> <p><b><u>d. Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.</u></b></p>	<p><b>Lược bỏ</b></p>	<p>Được quy định tại khoản 6 Điều 17 Điều lệ sửa đổi</p>
<p><b>Điều 23: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 24. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b></p>	

<p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải <b><u>thực hiện</u></b> thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp <b><u>có mặt</u></b> đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, <b><u>họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó</u></b>. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không hợp lệ hoặc không có ý kiến sẽ được Chủ toạ thông báo ngay sau khi <b><u>tiến hành biểu quyết vấn đề đó</u></b>. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu <b><u>không quá ba người</u></b>.</p>	<p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải <b>tiến hành</b> thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp <b>tham gia</b> đăng ký hết.</p> <p>a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, <b>và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có)</b> trên đó có ghi số đăng ký, <b>họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó</b>. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không hợp lệ hoặc không có ý kiến sẽ được Chủ toạ thông báo ngay sau khi có <b>kết quả kiểm phiếu</b>. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu <b>do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị</b></p>	<p>Sắp xếp lại từ ngữ</p>
---	--	---------------------------

<p>Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.</p> <p>3.Cổ đông <b><u>đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn</u></b> có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị <b><u>ảnh hưởng</u></b>.</p>	<p><b>của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.</b>Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.</p> <p>b.Cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền đến <b>sau khi cuộc họp đã khai mạc</b> có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. <b>Trong trường hợp này</b>, Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị <b>thay đổi</b>.</p>	
<p>4.Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa <b><u>các cuộc họp</u></b> do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa</p>	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa <b>hoặc uỷ quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b> do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp <b>theo nguyên tắc đa số</b>. Trong các trường hợp khác, người</p>	<p>Chỉnh sửa lại từ ngữ</p>

cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.	ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.	
5.Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông. <b><u>Riêng</u></b> chương trình và nội dung họp phải được Đại hội cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.	3.Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.	
6.Chủ tọa đại hội có <b><u>thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.</u></b>	4.Chủ tọa đại hội có <b>quyền</b> hoãn <b>cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</b> a.Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả những người dự họp; b.Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho cổ đông dự họp tham gia thảo luận và biểu quyết; c.Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách	- Sửa theo Khoản 8 Điều 146 Luật DN (~ khoản 8 Điều 20 PL I TT116/2020)



	<p>công bằng và hợp pháp;</p> <p>Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.</p>	
<p>7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại <b><u>khoản 6 Điều này</u></b>, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các <b><u>biểu</u></b> quyết tại cuộc họp đó <b><u>không bị ảnh hưởng</u></b>.</p>	<p>5.Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại <b><u>khoản 4 Điều này</u></b>, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các <b><u>ng nghị quyết được thông qua</u></b> tại cuộc họp đó <b><u>đều có hiệu lực thi hành</u></b>.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ, sắp xếp lại từ ngữ</p>
<p>8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.</p>	<p>6.Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự ; theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.</p>	<p>Không thay đổi</p>
<p>9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. <b><u>Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định</u></b></p>	<p>7.Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây</p> <p>a. Yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</p>	<p>Sửa theo khoản 7 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

<p><b><u>về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối</u></b> hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</p>	<p>b. <b>Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trực xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</b></p>	
<p>10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	<p>8. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng</p>	<p>Không đổi</p>

	những hình thức lựa chọn khác.	
Không có	9.Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	Bổ sung theo khoản Điều 273 ND 155
11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:  a.Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);  b.Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể	10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:  a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);  b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham	Không thay đổi

<p>đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p>	<p>dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p>	
<p>12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.</p> <p>Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.</p> <p>Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	Không thay đổi
<b>Điều 24: Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 25. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b>	
<p>1.Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>1.Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	
<p>2.Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức</p>	<p>2.Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu</p>	

biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông :  a.Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;  b.Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;  c.Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;  d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.	quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông :  a.Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;  b.Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;  c.Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;  d.Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.	
3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản): a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng	3.Trừ các trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này, nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ ít nhấtsáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc từ ít nhất65% tổng số phiếu phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản): a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;	- Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ

<p>hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>e) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty</p> <p>f) Việc đề xuất nội dung vào chương trình họp tại Đại hội đồng cổ đông của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại <b><u>Khoản 3 Điều 15 của Điều lệ này.</u></b></p>	<p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>f. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;</p> <p>g. Việc đề xuất nội dung vào chương trình họp tại Đại hội đồng cổ đông của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại <b>khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.</b></p>	
<p>4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho <b><u>ít nhất 51%</u></b> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc <b><u>ít nhất 51%</u></b> tổng số phiếu bầu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ trường hợp quy định tại <b><u>khoản 3 và khoản 5 Điều này.</u></b></p>	<p>4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho <b>trên năm mươi phần trăm (50%)</b> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc <b>trên năm mươi phần trăm (50%)</b> tổng số phiếu bầu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ trường hợp quy định tại <b>khoản 3, 5 và khoản 7 Điều này.</b></p>	
<p>5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu,</p>	<p>5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo</p>	<p>- Bổ sung khoản 5 Điều lệ sửa đổi theo</p>

<p>theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p> <p>Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trình tự, thủ tục bầu đối với thành viên Hội đồng quản trị được quy định trong Quy chế bầu cử tại mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p>	<p>đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p> <p>Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trình tự, thủ tục bầu đối với thành viên Hội đồng quản trị được quy định trong Quy chế bầu cử tại mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo phương thức khác được</p>	<p>Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p>
---	--	---

	quy định tại Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên.	
6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.	6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.	Không thay đổi
	7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	- Bổ sung theo Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp
<b>Điều 25:</b> Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của	<b>Điều 26.</b> Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của	



Đại hội đồng cổ đông	Đại hội đồng cổ đông	
<p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định <b>tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ này</b>, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p>	<p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1.Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại <b>khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp</b>. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p>	<p>- Cập nhật dẫn chiếu Luật</p> <p>- Sửa khoản 2 theo khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>2.Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu</p>	<p>2.Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu</p>

<p>cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại <b><u>khoản 2 Điều 21 Điều lệ này</u></b>. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại <b><u>Điều 139 của Luật doanh nghiệp</u></b>;</p>	<p>đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại <b><u>khoản 1 và khoản 2 Điều 141 Luật Doanh nghiệp</u></b>. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định <b><u>tại Điều 143 của Luật doanh nghiệp</u></b>;</p>	
<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng</p>	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số</p>	

<p>minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d.Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e.Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>f.Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g.Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;</p>	<p>quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d.Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e.Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>f.Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g.Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;</p>	
<p>4.Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy</p>	<p>4.Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện</p>	

quyền.	theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.	
<p>5.Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:</p> <p>a.Gửi thư. <b><u>Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</u></b></p> <p>b.Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;</p>	<p>5.Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:</p> <p>a.Gửi thư. <u>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</u></p> <p>b.Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;</p>	<p>Điểm a sửa theo điểm a khoản 4 Điều 22 Điều lệ mẫu</p>

<p>6.Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của <b><u>Ban kiểm toán nội bộ</u></b> hoặc thư ký công ty hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a.Tên, địa chỉ trụ sở chính và mã số doanh nghiệp;</p> <p>b.Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>c.Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d.Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e.Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>f.Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám</p>	<p>6.Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của <b><u>Ủy ban Ban kiểm toán</u></b> hoặc thư ký công ty hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a.Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b.Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>c.Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d.Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e.Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>f.Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị,</p>	
--	---	--

<p>sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p>	<p>người đại diện theo pháp luật của công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p>	
<p>7.Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;</p>	<p>7.Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;</p>	
<p>8.Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;</p>	<p>8.Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;</p>	

9.Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành trừ những trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 24 điều lệ này.	9.Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết tán thành và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa theo khoản 4 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020
<b>Điều 26: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 27. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b>	
<u><b>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty và báo cáo cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán (nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch) trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong</b></u>	1.Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:  a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp; d. Họ, tên chủ tọa và thư ký; e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;	Sửa theo Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp

<p><b><u>vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u></b></p>	<p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập</p>	
--	---	--



	<p>xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>4. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ khi kết thúc họp Đại hội</p>	
--	---	--

	<p>đồng cổ đông, việc gửi biên bản họp có thể thay thế bằng việc công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn giờ (24h).</p> <p>5. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p>	
<b>Điều 27: Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 28. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b>	
<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 <b>Điều 15</b> Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ <b>quyết định</b> của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ</p>	<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến <b>Đại hội đồng cổ đông</b>, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 <b>Điều 16</b> Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ <b>Nghị quyết hoặc một phần nội dung của Nghị quyết</b> của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	Cập nhật dẫn chiếu Luật

đồng không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 <b>Điều 28</b> Điều lệ này;	1.Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <b>hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b> không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 <b>Điều 29</b> Điều lệ này;	
2.Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.  Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	2.Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.  Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	Không đổi
<b>Điều 28: Hiệu lực nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 29: Hiệu lực nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b>	
1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.	1.Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.	Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ

<p>2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p> <p>Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>Điều 27 Điều lệ này</b>, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p> <p>Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>Điều 28 Điều lệ này</b>, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ</p>
<b>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	
<b>Điều 29: Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 30: Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị</b>	
<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu Luật và Điều lệ</p>

<p>a.Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 <b><u>Điều 18</u></b> của Luật doanh nghiệp;</p> <p>b.Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;</p> <p>c.Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác. Thành viên Hội đồng quản trị công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác</p> <p>2.Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên có các tiêu chuẩn và điều kiện khoản <b><u>2 Điều 151</u></b> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này sẽ đương nhiên không còn là thành viên</p>	<p>a.Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 <b>Điều 17</b> của Luật doanh nghiệp;</p> <p>b.Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;</p> <p>c.Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác. Thành viên Hội đồng quản trị công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa năm (05) công ty khác</p> <p>2.Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên có các tiêu chuẩn và điều kiện khoản 2 Điều <b>155</b> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3.Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này sẽ đương nhiên không còn là thành viên Hội đồng quản trị độc lập kể từ ngày không đáp ứng đủ điều</p>	
---	--	--

<p>Hội đồng quản trị độc lập kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên Hội đồng quản trị độc lập không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm a khoản 4 <b>Điều 17</b> của Điều lệ này.</p>	<p>kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên Hội đồng quản trị độc lập không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm a khoản 4 <b>Điều 18</b> của Điều lệ này.</p>	
<p><b>Điều 30: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</b></p>	<p><b>Điều 31: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</b></p>	
<p><b>1.</b> Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết</p>	<p>1.Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực,</p>	<p>Sửa khoản 2 Điều lệ hiện hành theo Khoản 2 Điều 25 Điều lệ mẫu - Phụ lục 01 ban hành kèm Thông tư 116 /2020/TT-BTC</p>

<p>bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b. Trình độ học vấn;</p> <p>c. Trình độ chuyên môn;</p> <p>d. Quá trình công tác;</p> <p>e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</p> <p>f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</p> <p>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p>	<p>chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a.Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b.Trình độ học vấn;</p> <p>c.Trình độ chuyên môn;</p> <p>d.Quá trình công tác;</p> <p>e.Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</p> <p>f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</p>	<p>Lưu ý:</p> <p>- Luật Doanh nghiệp 2020 đã bỏ quy định về thời gian nắm giữ cổ phần liên tục của cổ đông hoặc nhóm cổ đông</p>
---	--	--

<p>h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>i. Các thông tin khác (nếu có).</p>	<p>g.Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p> <p>h.Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>i.Các thông tin khác (nếu có).</p>	
<p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông <del>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</del> có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	<p>2.Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	<p>Bỏ quy định về thời gian nắm giữ theo Luật Doanh nghiệp 2020</p>



<p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p>	<p>3.Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p>	
<p><b>Điều 31: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p>	<p><b>Điều 32: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p>	
<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p><b><u>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải</u></b></p>	<p>1.Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p><b>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.</b></p>	<p>Sửa theo Khoản 2 Điều 154 Luật DN (~ khoản 2 Điều 26 PL I của TT116/2020) và khoản 3 Điều 154 Luật DN</p>

<p><b><u>chiếm ít nhất</u></b> một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức, kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh kinh doanh của công ty; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	
<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <b><u>Điều 29</u></b> Điều lệ này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. <b><u>Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin</u></b> từ chức <b><u>đến trụ sở chính của Công ty;</u></b></p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định <b>tại Điều 30</b> Điều lệ này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. <b>Thành viên đó có đơn bằng văn bản xin từ chức được gửi đến trụ sở chính của Công ty;</b></p>	<p>Cập mật dẫn chiếu Điều lệ</p>

<p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, <b><u>và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</u></b></p> <p>e. <b><u>Thành viên đó bị miễn nhiệm</u></b> theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, <b>trừ trường hợp bất khả kháng;</b></p> <p>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	
<b>Điều 32: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 33: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</b>	

<p>1.Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự <b><u>quản lý hoặc</u></b> chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2.Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các người điều hành khác.</p>	<p>1.Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự <b>giám sát và</b> chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2.Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và <b>những</b> người điều hành khác.</p>	<p>Sửa lại từ ngữ cho phù hợp</p>
<p>3.Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>a.Quyết định <b><u>kế hoạch</u></b> phát triển <b><u>sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm</u></b>;</p> <p>b.Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p>	<p>3.Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>a. Quyết định <b>chiến lược</b>, kế hoạch phát <b>triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty</b>;</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c. <b>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài</b></p>	<p>Bổ sung điểm f Điều lệ sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp</p> <p>- Bổ sung điểm q Điều lệ sửa đổi theo điểm q khoản 2 Điều 27 PL I tại TT116/2020</p>

<p><b><u>c.Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</u></b></p> <p>d.Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người điều hành đó ; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>e.Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;</p> <p>f.Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p>	<p><b>sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</b></p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người <b>quản lý quan trọng</b> khác do Điều lệ, <b>Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty</b> quy định; quyết định, tiền lương, <b>thù lao, thưởng</b> và quyền lợi khác của những người <b>quản lý</b> đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>e. Quyết định cơ cấu tổ chức, <b>quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</b></p> <p>f. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p> <p>g. <b>Kiến nghị</b> loại cổ phần và tổng số cổ phần được</p>	
--	---	--

<p>g.<u><b>Đề xuất</b></u> các loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>h.<u><b>Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</b></u></p> <p>i.Quyết định bán cổ phần <u><b>mới</b></u> trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>j.Quyết định giá <u><b>chào</b></u> bán cổ phần, trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi <u><b>trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;</b></u></p> <p>k.Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại <u><b>khoản 1 Điều 130</b></u> của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>l.Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p>	<p>quyền chào bán của từng loại;</p> <p>h. <b>Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</b></p> <p>i. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>j. Quyết định giá bán cổ phần, trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;</p> <p>k. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại <b>khoản 1 và khoản 2 Điều 133</b> của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>l. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>m. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>n. Thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay của công ty và các hợp đồng, <b>giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài</b></p>	
--	--	--

<p>m. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>n. Thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay của công ty và các hợp đồng khác. <b><u>Quy định này không áp dụng đối với</u></b> hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 <b><u>Điều 135, khoản 1 và</u></b> khoản 3 Điều <b><u>162</u></b> của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết <b><u>định</u></b>;</p> <p>p. Trình báo cáo <b><u>quyết toán</u></b> tài chính hằng năm <b><u>lên Đại hội đồng cổ đông</u></b>;</p> <p>q. <b><u>Đề xuất</u></b> mức cổ tức <b><u>hàng năm và xác định mức</u></b> <b><u>tam ứng cổ tức</u></b>; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p>	<p>sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua <b>nghị quyết</b>;</p> <p>p. Trình báo cáo tài chính hằng năm <b>đã được kiểm toán</b>;</p> <p>q. <b>Kiến nghị</b> mức cổ tức <b>được trả</b>; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>r. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;</p> <p>s. <b>Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định</b></p>	
--	--	--

<p>r.Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;</p> <p><b><u>s.Đề xuất Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị khi không hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm hoặc những trường hợp khác không phụ thuộc vào thời gian công tác;</u></b></p> <p><b><u>t.Đề xuất Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với thành viên Hội đồng quản trị được đề cử bởi cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 30 Điều lệ này khi cổ đông hoặc nhóm cổ đông này không còn đáp ứng được các điều kiện đề cử tại Khoản 2 Điều 30 Điều lệ này.</u></b></p> <p>u.Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p><b>ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;</b></p> <p>t. Đề xuất Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị không hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả đánh giá hoạt động hằng năm hoặc những trường hợp khác mà không phụ thuộc vào thời gian công tác;</p> <p>u. Đề xuất Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với thành viên Hội đồng quản trị được đề cử bởi cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 31 Điều lệ này hoặc khi nhóm cổ đông này không còn đáp ứng các điều kiện đề cử tại Khoản 2 Điều 31 Điều lệ này;</p> <p>v. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
<p>4.Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản</p>	<p>4.Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu</p>



<p>trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại <b>Điều 149.2</b> của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại <b>Điều 162.3</b> Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị <b>tùy từng thời điểm</b> quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng <b>lớn</b> của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mướn công ty và liên doanh);</p> <p>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công</p>	<p>phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại <b>khoản 2 Điều 153</b> của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại <b>khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167</b> Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mướn công ty và liên doanh);</p> <p>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh, các khoản đầu tư có giá trị vượt quá 10% <b>tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất</b>;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của</p>	<p>Luật</p>
--	--	-------------

<p>ty;</p> <p>f.Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh <b><u>và ngân sách</u></b> vượt quá 10% giá <b><u>tri kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</u></b></p> <p>g.Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h.Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i.Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% <b><u>mỗi loại cổ phần;</u></b></p> <p>j.Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;</p>	<p>những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h.Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i.Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá <b>mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</b></p> <p>j.Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;</p> <p>k.Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.</p>	
---	---	--

k.Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.		
5.Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động <u>của mình, cụ thể là về việc giám sát</u> của Hội đồng quản trị <u>đối với Tổng giám đốc và những người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</u>	5.Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị <b>theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</b>	Sửa theo khoản 3 Điều 27 Phụ lục I ban hành kèm theo TT116/202.??TT-BTC
6.Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các người điều hành <u>đại diện xử lý công việc</u> thay mặt cho Công ty.	6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác thay mặt cho <b>Hội đồng quản trị đại diện xử lý công việc của Công ty.</b>	Sửa lại từ ngữ cho phù hợp
	<b>Điều 34. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</b>	
7.Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên	1.Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội	Sửa theo điều 163 Luật DN

<p>Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.</p> <p>8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội</p>	<p>đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.</p> <p>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. <b>Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</b></p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền</p>	
--	---	--

<p>đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p>	
<p><b>Điều 33: Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p>	<p><b>Điều 35: Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p>	
<p>1. Hội đồng quản trị <b><u>phải lựa chọn trong số các thành viên</u></b> Hội đồng quản trị để bầu <b><u>ra một (01) Chủ tịch.</u></b></p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm và quyền hạn sau:</p>	<p>1. <b>Chủ tịch</b> Hội đồng quản trị <b>do</b> Hội đồng quản trị bầu, <b>miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị..</b></p> <p>2. <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.</b></p>	<p>- Sắp xếp lại từ ngữ</p> <p>- Bổ sung khoản 2 Điều lệ sửa đổi theo Khoản 2 Điều 29 Phụ lục I ban hành</p>

<p>a.Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b.Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c.Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>d.Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>e.Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>f.Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>g.Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>3.Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm và quyền hạn sau:</p> <p>a.Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b.Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c.Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>d.Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>e.Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>f.Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>kèm theo Thông tư 116/2020</p>
---	--	-----------------------------------

<p>3.Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p>	<p>g.Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>4.Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p>	
<p>Không có</p>	<p>5.Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc</p>	<p>Bổ sung theo khoản 4 Điều 156 LDN và Khoản 5 Điều 29 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020</p>

	nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	
<b>Điều 34: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 36: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b>	
<p>1.<b><u>Trường hợp Hội đồng quản trị bầu</u></b> Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của <b><u>nhiệm kỳ</u></b> Hội đồng quản trị <b><u>để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong</u></b> thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2.Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng</p>	<p>1.Chủ tịch <b>Hội đồng quản trị được bầu trong</b> cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2.Các cuộc họp thường kỳ <b>và bất thường</b>. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị <b>thường kỳ và bất thường</b> , lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07)</p>	Sắp xếp lại từ ngữ



<p>quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.</p> <p>3.Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a.Thành viên Hội đồng quản trị độc lập;</p> <p>b.Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị điều hành;</p> <p>c.Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều</p>	<p>ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.</p> <p>3.Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a.Thành viên Hội đồng quản trị độc lập;</p> <p>b.Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản;</p> <p>c.Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;</p> <p><b>d.Các trường hợp khác (nếu có)</b></p> <p><b>4.Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập</b> họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc,</p>	
---	---	--

<p>hành khác;</p> <p>4.<b><u>Các cuộc</u></b> họp Hội đồng quản trị <b><u>nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành</u></b> trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc <b><u>sau khi có đề xuất họp</u></b>. Trường hợp <b><u>Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận</u></b> triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>5.Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán <b><u>viên độc lập</u></b> thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>6.Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ trụ sở chính của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài</p>	<p><b>kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này</b> .Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>5.Trường hợp có yêu cầu của <b><u>tổ chức</u></b> kiểm toán <b><u>được chấp thuận</u></b> thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>6.Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ trụ sở chính của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p>	
--	--	--

<p>theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p>		
<p>7. Thông báo và chương trình họp. <b><u>Thông</u></b> báo họp Hội đồng quản trị <b><u>phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị</u></b> ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên hội đồng quản trị đó. <b><u>Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</u></b></p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.</p>	<p>7. Thông báo và chương trình họp. <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông</b> báo họp Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi tổ chức họp. <b>Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</b></p> <p>Thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên hội đồng quản trị đó.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.</p>	<p>Sửa theo Khoản 6 điều 157 Luật DN</p>

<p>8.Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9.Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a.Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b.Uỷ quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;</p>	<p>8.Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) <b>tổng</b> số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) <b>nếu đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</b></p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9.Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a.Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b.Uỷ quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;</p> <p>c.Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực</p>	<p>Sửa lại từ ngữ cho phù hợp</p>
---	---	-----------------------------------

<p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>Trường hợp cuộc họp của Hội đồng quản trị tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau, phải đảm bảo mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</li> <li>- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi</li> </ul>	<p>tuyển bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p><b>e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.</b></p> <p>Trường hợp cuộc họp của Hội đồng quản trị tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau, phải đảm bảo mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</li> <li>- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị</li> </ul>	
--	---	--

<p>là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này</p> <p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p>	<p>tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này</p> <p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p>	
10.Biểu quyết.	10.Biểu quyết.	Cập nhật dẫn chiếu Điều lệ

<p>a.Trừ quy định tại Điểm b Khoản 10 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b.Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c.Theo quy định tại Điểm d Khoản 10 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến <b><u>mức độ</u></b> lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị <b><u>hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên</u></b> mà <b><u>những</u></b></p>	<p>a.Trừ quy định tại Điểm b Khoản 10 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b.Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c.Theo quy định tại Điểm d Khoản 10 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích <b>hoặc quyền biểu quyết</b> của thành viên Hội đồng quản trị mà <b>thành viên đó không</b> tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết</p>	
---	--	--

<p><u><b>vấn đề đó không được giải quyết bằng</b></u> sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết <u><b>của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ toạ cuộc họp và</b></u> phán quyết của chủ toạ <u><b>liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị</b></u> là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố <u><b>một cách thích đáng;</b></u></p> <p>d.Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại <u><b>Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 42</b></u> của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	<p>của chủ toạ là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố <b>đầy đủ;</b></p> <p>d.Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và <b>Điểm b Khoản 4 Điều 47</b> của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	
<p>11.Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích <u><b>trong đó,</b></u> sẽ phải công khai <u><b>bản chất, nội dung của quyền</b></u> lợi <u><b>đó trong</b></u> cuộc họp mà Hội đồng</p>	<p>11.Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết mình <b>là người</b> có lợi ích trong đó <b>có trách nhiệm</b> công khai lợi ích này tại cuộc</p>	<p>Sửa lại từ ngữ cho phù hợp</p>



<p><u>quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề</u> ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. <u>Hoặc</u> thành viên này <u>có thể</u> công khai <u>điều đó</u> tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</p>	<p>hợp <u>đầu tiên của</u> Hội đồng <u>thảo luận về việc</u> ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. <u>Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</u></p>	
<p>12.Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và <u>ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của</u> đa số thành viên Hội đồng quản trị <u>có mặt</u> (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.</p> <p>13.Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:</p> <p>a.Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại</p>	<p>12.Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các quyết <u>định</u> và ra <u>nghị</u> quyết <u>trên cơ sở</u> đa số thành viên Hội đồng quản trị <u>dự họp tán thành</u> (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch <u>Hội đồng quản trị</u> sẽ là lá phiếu quyết định.</p> <p>13.Nghị quyết bằng văn bản <u>được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết</u>. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản</p>	<p>Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 12 điều 157 Luật DN</p>

<p>cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>b.Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.</p> <p>Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.</p> <p>14.Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và người</p>	<p>trị sau đây:</p> <p>a.Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>b.Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.</p> <p>Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.</p> <p>14.Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng</p>	
---	---	--

ghi biên bản.	quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.	
<p><b><u>15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và</u></b></p>	<p>15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực</p>	Không đổi

<p><b><u>biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</u></b></p> <p><b><u>16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</u></b></p>	<p>thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</p>	
<p><b>Điều 35: Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị</b></p>	<p><b>Điều 37: Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị</b></p>	
<p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ... Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành</p>	<p>1.Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu</p>	<p>Không thay đổi</p>

<p>nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty</p>	<p>ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2.Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty</p>	
<b><u>Điều 36: Tiểu ban kiểm toán nội bộ</u></b>		
<p><b><u>1. Tiểu ban kiểm toán có nghĩa là Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị như được quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 134 của Luật doanh nghiệp.</u></b></p> <p><b><u>Các nội dung cụ thể liên quan đến cơ cấu tổ</u></b></p>	Không có	Bỏ vì trùng với quy định tại Điều 41 đến Điều 45 Điều lệ sửa đổi

<p><u>chức của Tiểu ban kiểm toán sẽ được quy định tại Quy chế quản trị công ty.</u></p> <p><u>2. Kiểm toán viên nội bộ phải có đủ các tiêu chuẩn sau:</u></p> <p><u>a. Có phẩm chất trung thực, ý thức chấp hành pháp luật;</u></p> <p><u>b. Có bằng đại học trở lên các chuyên ngành phù hợp, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ;</u></p> <p><u>c. Đã có thời gian làm việc theo chuyên ngành đào tạo hoặc làm việc tại đơn vị đang công tác hoặc làm kế toán, kiểm toán hoặc thanh tra;</u></p> <p><u>d. Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty; có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin; có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ.</u></p>		
--	--	--

<p><b><u>3. Tiểu ban kiểm toán có những quyền hạn và trách nhiệm dưới đây:</u></b></p> <p><b><u>a. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;</u></b></p> <p><b><u>b. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của công ty. Lập nội dung thẩm định này trong báo cáo của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;</u></b></p> <p><b><u>c. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty, chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm toán nội bộ của Công Ty;</u></b></p> <p><b><u>d. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các</u></b></p>		
---	--	--

tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này;

e. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại khoản 3 Điều 15 của điều lệ này, thực hiện và tiến hành kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, tiểu ban kiểm toán phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của tiểu ban kiểm toán quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt



<p><u>động kinh doanh của công ty;</u></p> <p><u>f. Kiến nghị Hội đồng quản trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;</u></p> <p><u>g. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</u></p> <p><u>h. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan để Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo thể thức tại Điều 53 của Điều lệ này; giám sát tính độc lập và khách quan của kiểm toán độc lập;</u></p> <p><u>i. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại</u></p>		
--	--	--

<p><u>các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty;</u></p> <p><u>j. Được đề nghị trưng tập người ở các bộ phận khác của đơn vị; được thuê chuyên gia, tư vấn, thuê dịch vụ kiểm toán tham gia các cuộc kiểm toán nội bộ khi cần thiết, với điều kiện đảm bảo tính độc lập của kiểm toán nội bộ;</u></p> <p><u>k. Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo Điều lệ này, Quy chế quản trị Công ty, và quy định pháp luật.</u></p>		
<p><b>Điều 37: Người phụ trách quản trị công ty</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị <b><u>chỉ định</u></b> ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. <b><u>Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</u></b></p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng</p>	<p><b>Điều 38: Người phụ trách quản trị công ty</b></p> <p>1.Hội đồng quản trị <b>của Công ty phải bổ nhiệm</b> ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. <b>Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp..</b></p> <p>2.Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các</p>	<p>Sửa theo Điều 32 Điều lệ mẫu - Phụ lục 01 ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p>các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>b. Không được đồng thời làm việc cho <b><u>công ty</u></b> kiểm toán <b><u>độc lập</u></b> đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công</p>	<p>tiêu chuẩn sau:</p> <p>a.Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>b.Không được đồng thời làm việc cho <b>tổ chức</b> kiểm toán <b>được chấp thuận</b> đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>c.Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>3.Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>4.Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a.Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên</p>	
--	--	--

<p>việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p>	<p>quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b.Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ủy ban kiểm toán;</p> <p>c.Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d.Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e.Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f.Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ủy ban kiểm toán;</p> <p>g.Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</p> <p>h.Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật</p>	
---	---	--

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	và Điều lệ công ty;  i.Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	
<b>VII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b>	<b>CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b>	
<b>Điều 38: Tổ chức bộ máy quản lý</b>	<b>Điều 39: Tổ chức bộ máy quản lý</b>	
<u>Công ty sẽ ban hành một hệ</u> thống quản lý <u>mà theo đó</u> bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và <u>nằm dưới</u> sự <u>lãnh</u> đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, một số Phó tổng giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và có thể có Giám đốc tài chính do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được <u>thực hiện</u> bằng nghị quyết Hội đồng quản trị <u>được thông qua một cách hợp thức</u> .	Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, một số Phó tổng giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và có thể có Giám đốc tài chính do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	Sắp xếp lại từ ngữ
<b>Điều 39: Người điều hành</b>	<b>Điều 40: Người điều hành doanh nghiệp</b>	
1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự	1.Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp	Không thay đổi

chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại người điều hành cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người điều hành phải có sự miễn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.	thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại người điều hành cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.	
Không có	<p>2. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên</p>	<p>Bổ sung khoản 2 Điều lệ sửa đổi phù hợp với quy định tại Điểm c khoản 2 Điều 163 LDN</p> <p>Bổ sung khoản 3 phù hợp với khoản 3 Điều 163 LDN</p>
<b><u>2. Người điều hành của Công ty mẹ và các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của công ty con phải nằm trong độ tuổi lao động</u></b>	4. Người điều hành của Công ty mẹ và các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của công ty con phải nằm trong độ tuổi lao động theo quy định tại	

<b><u>theo quy định tại Điều 187 Bộ luật lao động số 10/2012/QH13 và các quy định pháp luật hiện hành.</u></b>	Điều 169 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 và các quy định pháp luật hiện hành.	
3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.	5.Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.	Không thay đổi
<b>Điều 40: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành</b>	<b>Điều 41: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành</b>	
1. <b><u>Bổ nhiệm.</u></b> Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng <b><u>quy định ký hợp đồng</u></b> trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.	1.Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng <b>lao động</b> trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích <b>và các điều khoản liên quan</b> khác. <b>Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền</b> của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong báo cáo thường	

	niên của Công ty.	
<b>Không có</b>	2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao	Bổ sung theo Khoản 2 Điều 162 Luật DNcân
<p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.</p> <p>3. Tổng giám đốc công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại <b><u>khoản 2 Điều 18</u></b> của Luật doanh nghiệp.</p> <p>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản</p>	<p>3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm <b>với nhiệm kỳ không hạn chế</b>. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.</p> <p>4. Tổng giám đốc công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 <b>Điều 17</b> của Luật doanh nghiệp.</p> <p>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị</p>	Cập nhật dẫn chiếu Luật



trị kinh doanh của công ty, <u><del>nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.</del></u>	kinh doanh của công ty.	
<p>4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và <b><u>kế hoạch</u></b> đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định <b><u>tất cả</u></b> các vấn đề không <b><u>cần phải có nghị quyết</u></b> của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh <b><u>thường nhật</u></b> của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;</p> <p>d. Kiến nghị số lượng và <b><u>các loại</u></b> người điều hành mà công ty cần <b><u>thuê</u></b> để Hội đồng quản trị bổ</p>	<p>5. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a. <b>Tổ chức</b> thực hiện các nghị quyết, <b>quyết định</b> của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và <b>phương án</b> đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định các vấn đề không <b>thuộc thẩm quyền</b> của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh <b>hàng ngày</b> của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c. Kiến nghị <b>với Hội đồng quản trị</b> về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;</p> <p>d. Kiến nghị số lượng và người điều hành <b>doanh nghiệp</b> mà công ty cần <b>tuyển dụng</b> để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm <b>theo quy chế</b></p>	<p>- Sửa lại từ ngữ</p> <p>- Bổ sung điểm k, l, m theo điểm đ, e, h Khoản 2 Điều 162 Luật Doanh nghiệp</p>

<p>nhiệm hoặc miễn nhiệm <u><b>khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định</b></u> mức lương, thù lao, các lợi ích <u><b>và các điều khoản</b></u> khác <u><b>của hợp đồng lao động của người điều hành;</b></u></p> <p>e. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>f. Tuyển dụng lao động;</p> <p>g. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.</p>	<p><b>nội bộ và kiến nghị</b> mức lương, thù lao, các lợi ích khác <b>đối với người quản lý doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;</b></p> <p>e. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>f. Tuyển dụng lao động;</p> <p>g. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.</p> <p>h. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>i. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng <b>quý</b> của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và</p>	
---	--	--

<p>h. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>i. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.</p> <p>j. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông.</p> <p>k. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng</p>	<p>hàng <b>quý</b> của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.</p> <p>j. <b>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</b></p> <p>k. <b>Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</b></p> <p>l. <b>Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</b></p> <p>m. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông.</p>	
--	--	--

<p>quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p>	<p>n. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p> <p>o. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký kết với Công ty.</p>	
<p>5. Tổng giám đốc Công ty bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc theo qui định tại khoản 3 điều này;</p> <p>b. Có đơn xin từ chức;</p> <p>c. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.</p>	<p>6. Tổng giám đốc Công ty bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc theo qui định tại khoản 3 điều này;</p> <p>b. Có đơn xin từ chức;</p> <p>c. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.</p>	<p>Không thay đổi</p>

Không có	<b>CHƯƠNG IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	
	<b>Điều 42. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán</b>	
Không có	<p>1.Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử, và không phải là người điều hành Công ty.</p> <p>2.Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.</p>	Phù hợp với Điều 161 Luật DN và Điều 42 PL I ban hành kèm theo TT 116/2020
	<b>Điều 43. Thành phần Ủy ban Kiểm toán</b>	
Không có	<p>1.Ủy ban kiểm toán có từ hai (02) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.</p> <p>2.Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về</p>	Bổ sung theo khoản 1 Điều 161 Luật DN và Điều 282 ND 155/2020/NĐ-CP

	<p>kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty, và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty.</p> <p>b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc tiêu chuẩn khác cao hơn tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.</p> <p>4. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.</p>	
--	--	--

	<b>Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán</b>	
Không có	<p>Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>1.Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.</p> <p>2.Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.</p> <p>3.Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.</p> <p>4.Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất, phối hợp với Hội</p>	Bổ sung theo Điều 283 <b>NĐ</b> 155/2020/NĐ-CP

	<p>đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của công ty.</p> <p>5.Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.</p>	
	<b>Điều 45. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán</b>	
<b>Không có</b>	<p>1.Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.</p> <p>2.Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 7 Điều 283 ND 155/2020/ND-CP và Khoản 2 Điều 161 LDN</p>



	quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.	
	<b>Điều 46. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</b>	
<b>Không có</b>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:</p> <p>1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ</p>	Bổ sung theo Điều 284 <b>NĐ</b> 155/2020/NĐ-CP

	<p>công ty;</p> <p>2.Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;</p> <p>3.Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;</p> <p>4.Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p> <p>5.Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và</p>	
--	---	--

	<p>quản lý rủi ro của Công ty;</p> <p>6.Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành khác của doanh nghiệp;</p> <p>7.Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.</p> <p>8.Các nội dung khác (nếu có).</p>	
<b>IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH</b>	<b>CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH</b>	
<b>Điều 41: Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành</b>	<b>Điều 47: Trách nhiệm căn trọng</b>	
Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị,	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách	Sửa lại từ ngữ

<p>một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p>	<p>trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p>	
<p><b>Điều 42: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b></p>	<p><b>Điều 48: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b></p>	
<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại <b><u>Điều 159</u></b> Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật <b><u>khác</u></b>.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều <b><u>hành không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không</u></b> được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình <b><u>để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác</u></b>.</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại <b>Điều 164</b> Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật <b>liên quan..</b></p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành <b>khác và những người liên quan của các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng dụng những thông tin</b> có được nhờ chức vụ của mình <b>để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</b></p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu Luật</p>

<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị <b><u>tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</u></b></p>	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo <b>bằng văn bản</b> cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật hoặc các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà những cá nhân đó có thể được hưởng lợi thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p>	<p>Sửa theo khoản 3 Điều 291 NB 155/2020/NĐ-CP</p>
<p><b><u>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan</u></b></p>	<p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc</p>	

<p><b><u>tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</u></b></p>	<p>pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p>	
<p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành, <b><u>hoặc</u></b> những <b><u>người</u></b> liên quan đến <b><u>họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ</u></b> không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với <b><u>hợp đồng</u></b> có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những <b><u>yếu tố</u></b> quan trọng về hợp đồng hoặc</p>	<p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành <b>khác và những cá nhân, tổ chức</b> liên quan đến <b>các đối tượng này</b> không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a.Đối với <b>giao dịch</b> có giá trị từ dưới <b>ba mươi lăm phần trăm</b> (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những <b>nội dung</b> quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị, <b>và được</b> Hội đồng quản trị <b>thông qua</b></p>	

<p>giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. <b><u>Đồng thời</u></b>, Hội đồng quản trị <b><u>đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực</u></b> bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những <b><u>hợp đồng</u></b> có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông <b><u>không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này</u></b>;</p> <p><b><u>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét</u></b></p>	<p>bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p> <p>b.Đối với những <b>giao dịch</b> có giá trị lớn <b>hơn ba mươi lăm phần trăm</b>(35%) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông <b>và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan</b>;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan với các</p>	
--	--	--

<p><b><u>trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</u></b></p> <p><b><u>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</u></b></p>	<p>thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	
<p><b>Điều 43: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b></p>	<p><b>Điều 49: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b></p>	
<p>1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ <b><u>hành động một cách</u></b> trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p>	<p>1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, <b>trách nhiệm</b> trung thực và <b>cẩn trọng</b>, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p>	
<p>2. Bồi thường. Công ty bồi thường cho những</p>	<p>2. Bồi thường. Công ty bồi thường cho những người</p>	<p>Không đổi</p>



<p>người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền <b><u>hoặc người đó</u></b> đã hoặc <b><u>đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc đại diện</u></b> theo uỷ quyền của Công ty <b><u>với điều kiện người đó đã</u></b> hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích <b><u>hoặc không chống lại lợi ích cao nhất</u></b> của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p>	<p>đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p>	
<p>Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều</p>	<p>Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác,</p>	<p>Không đổi</p>

<p>hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p>	<p>nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p>	
<p>3. Chi phí bồi thường bao gồm <b><u>các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư)</u></b>, chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế <b><u>hoặc được coi là mức hợp lý</u></b> khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p>3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế <b><u>(kể cả phí thuê luật sư)</u></b> khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	Sắp xếp lại từ ngữ
<b>X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b>	<b>CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ</b>	

	<b>HỒ SƠ CÔNG TY</b>	
<b>Điều 44: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b>	<b>Điều 50: Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</b>	
1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 2 <a href="#">Điều 30</a> của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.	<b>Không có</b>	Bổ do TT116/2020 đã quy định cụ thể hơn
Không có	<p>1.Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp</p>	Bổ sung theo khoản 1 Điều 49 Điều lệ mẫu - Phụ lục 01 ban hành kèm kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC

	<p>Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> <p>2.Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	
<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì</p>	<p>3.Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích</p>	

<p>những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ tài liệu nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.</p> <p>4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.</p>	<p>liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>4. Công ty sẽ phải lưu <b>giữ</b> Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, <b>ng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị</b>, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, <b>các báo cáo của Hội đồng quản trị</b>, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ tài liệu nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.</p> <p>5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.</p>	
<b>XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</b>	<b>CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</b>	
<b>Điều 45: Công nhân viên và công đoàn</b>	<b>Điều 51: Công nhân viên và công đoàn</b>	Không thay đổi

XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	
Điều 46: Phân phối lợi nhuận	Điều 52: Phân phối lợi nhuận	
<p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.</p> <p>2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.</p> <p>3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thể <b>đề</b> nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng</p>	<p>1.Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.</p> <p>2.Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.</p> <p>3.Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>4.Hội đồng quản trị có thể <b>kiến</b> nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <p>5.Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt,</p>	<p>Sắp xếp lại từ ngữ</p>

<p>tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc <b><u>Trung tâm</u></b> lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p> <p>6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá</p>	<p>Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc <b>Tổng công ty</b> lưu ký <b>và bù trừ</b> chứng khoán Việt Nam.</p> <p>6.Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức</p>	
---	--	--

<p>trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.</p> <p>7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, <b><u>lãi suất, phân phối lợi nhuận</u></b>, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p>8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	<p>phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.</p> <p>7.Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, <b><u>quyết định</u></b>xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức <b><u>bằng tiền mặt hoặc</u></b>cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p>8.Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	
<b>XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</b>	<b>CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</b>	
<b>Điều 47: Tài khoản ngân hàng</b>	<b>Điều 53: Tài khoản ngân hàng</b>	
1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép	1.Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép	Không thay đổi



<p>hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.</p>	<p>hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>2.Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.</p> <p>3.Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.</p>	
<b>Điều 48: Năm tài chính</b>	<b>Điều 54: Năm tài chính</b>	
<p>Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.</p>	<p>Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.</p>	Không thay đổi

<b>Điều 49: Chế độ kế toán</b>	<b>Điều 55: Chế độ kế toán</b>	
<p>1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là <b>Hệ thống</b> Kế toán Việt Nam (VAS) <b>hoặc chế độ kế toán</b> khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</p> <p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> <p>Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.</p>	<p>1.Chế độ kế toán Công ty sử dụng là <b>Chế độ</b> Kế toán Việt Nam (VAS) <b>chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành</b> khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</p> <p>2.Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> <p>Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.</p>	Sắp xếp lại từ ngữ phù hợp
<b>XIV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO</b>	<b>CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG</b>	

THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	
<b>Điều 50:</b> Báo cáo tài chính năm, <u>sáu tháng</u> và quý	<b>Điều 56:</b> Báo cáo tài chính năm, <b>bán niên</b> và quý	
<p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định <b><u>tại Điều 53 của Điều lệ này</u></b>, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối</p>	<p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của <b>pháp luật</b>, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán</p>	Cập nhật dẫn chiếu Luật

<p>kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.</p>	<p>phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.</p>	
<p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính <b>sáu (06) tháng</b> đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định <b><u>của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn)</u></b> và nộp cho cơ quan <b><u>thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh</u></b> theo các quy định của <b><u>Luật Doanh nghiệp</u></b>.</p>	<p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính <b>bán niên</b> đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định <b>pháp luật về công bố thông tin trên thị trường</b> và nộp cho cơ quan <b>nhà nước có thẩm quyền</b></p>	<p>Sắp xếp lại từ ngữ</p>
<p><b><u>4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài</u></b></p>	<p>Không có</p>	<p>Cần nhắc bỏ do Điều 55 Điều lệ mẫu - Phụ lục 01 ban hành</p>

<p><b><u>chính quý của công ty (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên website của Công ty.</u></b></p> <p><b><u>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và các báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</u></b></p>		<p>kèm kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC không còn quy định điều này</p>
<b>Điều 51: Báo cáo thường niên</b>	<b>Điều 57: Báo cáo thường niên</b>	
Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Không thay đổi
<b>Điều 52: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng</b>	<b>Điều 58: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng</b>	

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.	Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.	Không thay đổi
<b>XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY</b>	<b>CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY</b>	
<b>Điều 53: Kiểm toán</b>	<b>Điều 59: Kiểm toán</b>	
<p><b>I.</b> Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. <u><b>Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</b></u></p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán <b>báo cáo tài chính</b> của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.</p>	

<p><b><u>2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</u></b></p> <p><b><u>3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.</u></b></p> <p><b><u>4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.</u></b></p>	<p>Không có</p>	<p>Cần nhắc bỏ do Điều 57 Điều lệ mẫu - Phụ lục 01 ban hành kèm kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC không còn quy định điều này</p>
<p>Không có</p>	<p>2.Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 2 Điều 57 Điều lệ mẫu - Phụ lục 01 ban hành kèm kèm Thông tư</p>

		116/2020/TT-BTC
5. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.	3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.	Không thay đổi
<b>XVI. CON DẤU</b>	<b>CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP</b>	
<b>Điều 54: Con dấu</b>	<b>Điều 60: Dấu của doanh nghiệp</b>	
<p>1. Hội đồng Quản trị quyết định về số lượng, hình thức và nội dung con dấu của Công ty. Công ty có trách nhiệm thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>2. Hội đồng Quản trị quyết định về số lượng, hình thức và nội dung con dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</p> <p>3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản</p>	<p>- Bổ sung khoản 1 Điều lệ sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật doanh nghiệp</p> <p>- bổ sung theo khoản 2 Điều 43 Luật doanh nghiệp</p>



	lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	
<b>XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</b>	<b>CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY</b>	
<b>Điều 55: Chấm dứt hoạt động</b>	<b>Điều 61: Giải thể công ty</b>	
<p>1.Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a.Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể <b><u>cả sau khi đã gia hạn</u></b>;</p> <p>b.Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c.<b><u>Giải thể trước thời hạn</u></b> theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d.Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ</p>	<p>1.Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a.Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty <b>đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn</b>;</p> <p>b.Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c.<b>Theo nghị quyết</b>, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d.<b>Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác</b></p> <p>e.Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</p>	<p>- sắp xếp lại từ ngữ cho phù hợp</p> <p>- Bổ sung điểm d khoản 1 Điều lệ sửa đổi theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 207 Luật doanh nghiệp</p>

quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.	2.Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.	
	<b>Điều 62. Gia hạn hoạt động</b>	
<b>Không có</b>	<p>1.Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</p> <p>2.Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua thành.</p>	Bổ sung theo Điều 60 Điều lệ mẫu - Phụ lục 01 ban hành kèm kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC
<b>Điều 56: Thanh lý</b>	<b>Điều 63: Thanh lý</b>	

<p>1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p> <p>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh</p>	<p>1.Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, <b>trong đó hai (02)</b> thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p> <p>2.Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.</p> <p>3.Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán</p>	<p>Không thay đổi</p>
---	--	-----------------------

<p>toán theo thứ tự sau:</p> <p>a.Các chi phí thanh lý;</p> <p>b.Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</p> <p>c.Nợ thuế;</p> <p>d.Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.</p>	<p>theo thứ tự sau:</p> <p>a.Các chi phí thanh lý;</p> <p>b.Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</p> <p>c.Nợ thuế;</p> <p>d.Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.</p>	
<b>XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b>	<b>CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b>	
<b>Điều 57: Giải quyết tranh chấp nội bộ</b>	<b>Điều 64: Giải quyết tranh chấp nội bộ</b>	
1.Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại	1.Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có	Sắp xếp lại từ ngữ

<p>có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông <b><u>phát sinh từ</u></b> Điều lệ <b><u>hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do</u></b> Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:</p> <p>a.Cổ đông với Công ty; hoặc</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;</p> <p>Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là <b><u>trọng tài</u></b> cho quá trình giải quyết</p>	<p>liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền <b>và nghĩa vụ</b> của các cổ <b>đồng theo</b> Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:</p> <p>a.Cổ đông với Công ty; hoặc</p> <p>b.Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;</p> <p>Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là <b>trung gian</b> hòa</p>	
--	---	--

<p>tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án <b><u>kinh tế</u></b>.</p> <p>3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án <b><u>sẽ do Tòa</u></b> phán quyết <b><u>bên nào phải chịu</u></b>.</p>	<p>giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2.Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án.</p> <p>3.Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án <b>được thực hiện theo</b> phán quyết <b>của Tòa án</b>.</p>	
<b>XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b>	<b>CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b>	
<b>Điều 58: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ</b>	<b>Điều 65: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ</b>	
<p>1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.</p> <p>2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật</p>	<p>1.Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.</p> <p>2.Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có</p>	Không thay đổi

khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.	những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.	
<b>XX. NGÀY HIỆU LỰC</b>	<b>CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC</b>	
<b>Điều 59: Ngày hiệu lực</b>	<b>Điều 66: Ngày hiệu lực</b>	
1. Bản điều lệ này gồm <b>20 chương 59 điều</b> , được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày 24 tháng 03 năm 2018, sửa đổi, bổ sung ngày 06 tháng 06 năm 2020 tại Hải Phòng và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	1. Bản điều lệ này gồm <b>21 chương 66 điều</b> , được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua <b>ngày .... tháng ... năm ...</b> , tại Hải Phòng và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này	Cập nhật số điều và số chương, ngày thông qua bản Điều lệ
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó: a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương. b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố. c. 02 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty , 01 bản	2.Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và <b>được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty</b> , trong đó: a.01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương. b.05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy	Doanh nghiệp cập nhật

<p>gửi UBCKNN, 01 bản gửi Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty</p> <p><b>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.</b></p>	<p>định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố.</p> <p>c.02 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty , 01 bản gửi UBCKNN, 01 bản gửi Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>3.Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty</p> <p>4.Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.</p>	
--	--	--